TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN X** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 19/5/2020
"V/v Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN X - TỈNH LONG AN

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Phượng

Các hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Trần Văn Nhị

2/ Ông Nguyễn Hồng Phong

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Vũ Thị Thu Hường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Long An.

Ngày 19 tháng 5 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện X xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 55/2020/TLST-HNGĐ, ngày 28/02/2020 về việc "Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 16/4/2020 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà **Đỗ Thị Thu H**, sinh năm 1988. Địa chỉ: ấp VK, xã BA, huyện X, tỉnh Long An.

* Bị đơn: Ông Đỗ Phú G, sinh năm 1985. Địa chỉ: ấp VK, xã BA, huyện X, tỉnh Long An.

(Bà H có đơn xin xét xử vắng mặt. Ông G vắng mặt.)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của nguyên đơn bà Đỗ Thị Thu H trong suốt quá trình giải quyết vụ án có nội dung như sau:*

Bà và ông G tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn ngày 03/6/2015 tại Ủy ban nhân dân xã BA. Thời gian đầu ông bà chung sống hạnh phúc, mấy năm sau mâu thuẫn thường xuyên và ngày càng gay gắt. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Ông G không chăm lo cho gia đình. Bà và ông G đã ly thân được 01 năm. Do không thể hàn gắn được mối quan hệ hôn nhân này, nên bà yêu cầu được ly hôn với ông G.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà và ông G có 01 con chung tên Đỗ Thị Tú T, sinh ngày 14/9/2016 đang sống chung với ông G. Khi ly hôn, bà nhường quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho ông G. Bà không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn ông Đỗ Phú G trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng vẫn vắng mặt, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không cung cấp bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào cũng như vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

Tại bản tự khai ngày 08/5/2020, ông G trình bày ông đồng ý ly hôn với bà H và đồng ý trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Đỗ Thị Tú T, sinh ngày 14/9/2016, không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án tiến hành thụ lý vụ án, hòa giải nhưng không được do ông G vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thủ tục tố tụng:

1.1 Bà Đỗ Thị Thu H nộp đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Đỗ Phú G. Căn cứ nơi cư trú của bị đơn, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện X theo quy định tại Điều 28 và Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

1.2 Về sự vắng mặt của đương sự: Bà H có đơn xin xét xử vắng mặt. Ông G trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm, nên Tòa án giải quyết vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Nội dung:

2.1 Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông G tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn ngày 03/6/2015 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 49/2015 tại Ủy ban nhân dân xã BA, huyện X, tỉnh Long An. Hôn nhân của bà H và ông G là hôn nhân được pháp luật công nhận và bảo vệ. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa bà H và ông G là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống gia đình. Bà H và ông G đã ly thân được khoảng 01 năm. Bà H xác định không thể hàn gắn được mối quan hệ hôn nhân này, nên yêu cầu được ly hôn với ông G.

Hội đồng xét xử xét thấy: Hôn nhân hạnh phúc dựa trên nền tảng của sự yêu thương, quan tâm, chăm sóc, cảm thông và chia sẻ. Bà H và ông G đã ly thân được khoảng 01 năm. Cho đến nay, bà H xác định tình cảm không còn và kiên quyết xin ly hôn với ông G vì không thể tiếp tục cuộc hôn nhân này. Ông G không đưa ra được bất kỳ giải pháp nào để hàn gắn cuộc hôn nhân và đồng ý ly hôn với bà H. Do đó, Hội đồng xét xử xác định mâu thuẫn trong hôn nhân giữa 2 bên là trầm trọng, yêu cầu xin ly hôn của bà H phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên có cơ sở chấp nhận.

2.2 Về nuôi con chung: Bà H và ông G xác định ông bà có 01 con chung tên Đỗ Thị Tú T, sinh ngày 24/9/2016. Khi ly hôn, bà H nhường quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho ông G và bà không cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, cháu T đang sống với ông G, nhằm tránh sự thay đổi hoàn cảnh sống làm ảnh hưởng đến sự phát triển tâm lý trẻ. Ông G cũng đồng ý nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con, nên yêu cầu của bà H có cở sở chấp nhận.

Mặc dù không trực tiếp nuôi dưỡng con chung, nhưng bà H được quyền đến thăm, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản. Vì lợi ích của con, thì một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

2.3 Về nợ chung, tài sản chung: Cho đến khi xét xử sơ thẩm, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết trong vụ án này. Nếu sau này có tranh chấp, các đương sự có quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

Từ các phân tích trên, yêu cầu khởi kiện của bà H là có căn cứ chấp nhận toàn bộ.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bà H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Ông G không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 147, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 117 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị Thu H đối với ông Đỗ Phú G.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Thị Thu H được ly hôn với ông Đỗ Phú G.

2/ Về con chung: Giao 01 con chung tên Đỗ Thị Tú T, sinh ngày 24/9/2016 cho ông Đỗ Phú G trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà Đỗ Thị Thu H không phải cấp dưỡng nuôi con do ông Đỗ Phú G không yêu cầu.

Mặc dù không trực tiếp nuôi dưỡng con chung, nhưng bà Đỗ Thị Thu H được quyền đến thăm, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản. Vì lợi ích của con, thì một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

3/ Về án phí: Bà Đỗ Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004998, ngày 27/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện X, tỉnh Long An. Bà Đỗ Thị Thu H không phải nộp thêm. Ông Đỗ Phú G không phải chịu án phí.

4/ Án xử sơ thẩm, các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

5/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- Chi cục THA huyện X;
- VKSND huyện X;
- Các đương sự;
- UBND xã BA;
- Lưu HS

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Lê Thị Mỹ Phượng

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN	THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Nguyễn Hồng Phong – Trần Văn Nhị	**Lê Thị Mỹ Phượng**